

Bản án số: 10/2023/DS-PT

Ngày: 13 - 01 - 2023

V/v tranh chấp dân sự về
bồi thường thiệt hại ngoài hợp
đồng do tài sản bị xâm phạm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Ông Trương Văn Hai.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Hồng Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường Sơn
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 205/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 232/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 342/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1964. (có mặt)

Nơi cư trú: Số 09, tổ 01, ấp L, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Bùi Thị Huyền T, sinh năm 1988, nơi cư trú: Số 09, tổ 01, ấp L, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, là người đại diện theo ủy quyền (hợp đồng ủy quyền ngày 05/12/2022 tại Văn phòng công chứng Ngô C). (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Bùi Văn L, sinh năm 1966. (có mặt)

Nơi cư trú: Số 14, Tổ 01, ấp L, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

2.2. Bà Bùi Thị Q, sinh năm 1972. (có mặt)

Nơi cư trú: Số 08, Tổ 01, ấp L, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

2.3. Ông Bùi Văn B1, sinh năm 1973. (có mặt)

Nơi cư trú: Số 15, Tổ 01, ấp L, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

2.4. Ông Bùi Văn B2, sinh năm 1978. (có mặt)

Nơi cư trú: tổ 08, khóm Long Quới C, phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

2.5. Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1976. Tên gọi khác: Thắm. (có mặt)

Nơi cư trú: số 02, tổ 01, ấp Phú Hữu 1, xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1951. (có mặt)

Nơi cư trú: số 163, Tổ 5 ấp Phú Bình, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

3.2. Bà Bùi Thị T2, sinh năm 1961. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 5, ấp Phú Bình, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

3.3. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1964. (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 28, ấp Phú An A, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

3.4. Bà Bùi Thị P, sinh năm 1968. (có mặt)

Nơi cư trú: Số 73, Tổ 7 ấp Phú Hữu 1, xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

3.5. Anh Bùi Thanh L, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 8, khóm Long Quới C, phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn bà Huỳnh Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị N do chị Bùi Thị Huyền T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vì cho rằng đất của vợ chồng (chồng Bùi Văn T đã chết) nên Bà N xây dựng hàng rào để bảo vệ tài sản trong nhà. Vào khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 27/11/2020, không biết vì lý do gì, các bị đơn kéo đến đập phá, tháo dỡ hàng rào làm hư hỏng

toàn bộ 03 cổng sắt và 01 đoạn tường rào bê tông cốt thép, lát gạch men kích thước cao 2,5m, ngang 4m và nhỏ 14 cây bông trang Mỹ Hường, chặt phá những cây khác gây thiệt hại khoảng 40.000.000 đồng. Diện tích đất mà Bà N xây hàng rào và trồng bông trang có nguồn gốc do cha chồng (Bùi Văn S) để lại cho vợ chồng, không có giấy tờ cho nhưng đã quản lý sử dụng từ năm 1975 đến nay. Từ trước đến khi xảy ra sự việc trên, các bên không có mâu thuẫn. Khi xây dựng hàng rào, các bị đơn không ngăn cản, không có ý kiến phản đối và cũng không tranh chấp gì về diện tích đất trên. Thời điểm đó, địa phương có đi khảo sát nhưng không có ý kiến gì (gồm địa chính là anh Q đã chuyển công tác đến nơi khác và một vài cán bộ xã không biết tên). Bà N xác định có rất nhiều người cùng đến đập phá gồm các bị đơn và những người anh em, con cháu của bị đơn nhưng không rõ thông tin những người đó nên chỉ khởi kiện các bị đơn yêu cầu cùng chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho Bà N.

Tại đơn khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại tổng giá trị tài sản gồm 03 cổng sắt cao 2,5m ngang 4m, giá trị 15.000.000 đồng, tường bê tông lát gạch men cao 2,5m ngang 4m, trị giá khoảng 20.000.000 đồng, 14 bụi bông trang Mỹ Hường và một số cây trồng giá trị khoảng 5.000.000 đồng, tổng giá trị yêu cầu bồi thường 40.000.000 đồng. Ngày 30/12/2021, có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với 03 cổng sắt giá trị 15.000.000 đồng, còn lại yêu cầu 25.000.000 đồng. Ngày 06/4/2022, nguyên đơn có thay đổi bổ sung đơn khởi kiện vì khi kiểm tra hiện trạng đoạn hàng rào có kích thước cao 2,5m ngang 4,25m, có sai số về kích thước so với đơn khởi kiện ban đầu (chênh lệch chiều dài 0,25m) và rút lại yêu cầu, tức chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại 12.628.000 đồng theo giá của Đoàn định giá do Tòa án thành lập. Trong lúc các bị đơn đập phá hàng rào, tháo dỡ, di dời các cổng sắt đã làm chết 14 cây bông trang Mỹ Hường (trồng khoảng 03 năm), phía bị đơn nói không gây thiệt hại là không đúng. Nay chỉ yêu cầu các bị đơn gồm L, B2, B1, Q, T1 cùng liên đới bồi thường 12.628.000 đồng, không yêu cầu ai khác cùng chịu trách nhiệm trong vụ án này.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Văn L trình bày:

Do bức xúc việc Bà N tự ý xây hàng rào trên phần đất của cha nên ông và 9 anh chị em khác gồm B1, B2, Q, T1, L, H, P, L, T2 và những người khác là con cháu cùng nhau bàn bạc thống nhất ngày 27/11/2020 sẽ cùng nhau đập phá, tháo dỡ một hàng rào bê tông cốt thép và 03 cổng sắt, thép và các cây trồng ra khỏi đất đường cộ để khai thông đường cộ. Ngày 27/11/2020, tất cả các anh chị em và các con cháu cùng nhau tập trung tại nhà ông, sau đó cùng kéo đến tiến hành đập phá hàng rào, tháo dỡ các cổng sắt, gây thiệt hại 01 đoạn hàng rào tường, kết cấu móng, cột đá bê tông, ốp gạch men cao 2,5m dài 4,25m. Mặc dù không trực tiếp tham gia nhưng sau khi xảy ra sự việc ông có đến xem. Khi Bà N xây dựng hàng rào, các anh em có ngăn cản do đường đất đó là của cha (Bùi Văn S đã chết) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đường cộ trên được mở trên 30 năm nay, với mục đích từ thiện, con đường cộ này đã hình thành từ khi cha còn sống phục vụ nhân dân vận chuyển lúa thóc, vật tư nông nghiệp. Từ trước đến nay, phần

đất này không có tranh chấp, giữa gia đình và Bà N không có mâu thuẫn gì với nhau. Các anh em sẽ khởi kiện tranh chấp diện tích đất đường cộ và yêu cầu tháo dỡ hàng rào bằng một vụ án khác, khi đó sẽ yêu cầu Bà N bồi thường chi phí do phải vận chuyển phân bón, lúa thóc đi bằng con đường khác xa hơn, ảnh hưởng đến việc sản xuất nông nghiệp và cơ giới, không yêu cầu trong vụ án này.

Thông nhất nội dung biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 28/3/2022 về kích thước đoạn hàng rào bị thiệt hại cao 2,5m dài 4,25m, nhưng giá trị theo Đoàn định giá của Tòa án thành lập là 925.000 đồng/m² là cao gấp đôi so với giá trị lúc định giá của giai đoạn Công an, do đó yêu cầu định giá lại cho phù hợp. Đối với 14 cây bông trang Mỹ Hường thì không biết về sự tồn tại của 14 cây bông này. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Bà N, vì ông và các anh chị em không có lỗi nên không phải bồi thường số tiền 12.628.000 đồng.

Việc các bị đơn trình bày thêm những người cùng tham gia đập phá hàng rào như T2, H, P, L, M, T, N, H,... nhằm thể hiện sự nhất trí, không đồng tình, bức xúc về việc làm của Bà N, nếu Tòa án xử buộc bồi thường thì các bị đơn và những người liên quan sẽ cùng chịu trách nhiệm, cam kết chỉ có bao nhiêu người cùng tham gia, ngoài ra không yêu cầu M, T, N, H, N cùng chịu trách nhiệm.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Bùi Thị Q, ông Bùi Văn B1, ông Bùi Văn B2, bà Bùi Thị T1 trình bày: Ngày 27/11/2020, các ông, bà có tham gia đập phá gây thiệt hại đoạn hàng rào của Bà N và thống nhất các ý kiến của ông L đã trình bày. Các ông bà không đồng ý bồi thường vì không có lỗi, lỗi là do Bà N tự xây dựng hàng rào trên đất của cha, cản trở đường vận chuyển lúa thóc của bà con, mặc dù đã nhắc nhở nhưng vẫn tự ý xây dựng. Nếu Tòa án xử buộc chịu trách nhiệm bồi thường đoạn hàng rào bị đập phá thì các bị đơn và người liên quan cùng chịu trách nhiệm trong vụ án này vì có sự bàn bạc, thống nhất cùng nhau tháo dỡ, đập phá hàng rào của Bà N để khai thông đường cộ, không yêu cầu xem xét trách nhiệm những người cháu.

Ngoài ra, các bị đơn thống nhất về thiệt hại đoạn tường rào của Bà N đã gây thiệt hại, trong quá trình giải quyết vụ án đã có ý kiến yêu cầu định giá lại cho phù hợp nhưng sau đó các bị đơn không làm đơn yêu cầu định giá lại vì không đồng ý bồi thường và sẽ không khiếu nại gì về giá, tùy Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị T2 trình bày:

Các bà và các bị đơn và những người liên quan là anh chị em. Bà H và bà T2 có tham gia đập phá gây thiệt hại đoạn hàng rào của Bà N như các anh chị em đã trình bày, không gây thiệt hại 14 cây bông trang Mỹ Hường. Riêng bà L mặc dù không trực tiếp đập phá hàng rào nhưng bà có biết và có sự thống nhất, bàn bạc giữa các em, con cháu trong gia đình đúng như lời trình bày của các bị đơn. Do không có lỗi nên các bà không đồng ý bồi thường.

Tại biên bản hòa giải, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Thanh L trình bày: Các anh chị em có bàn bạc nhau

về việc sẽ đập phá tháo dỡ hàng rào do Bà N tự xây dựng trên đất của cha. Ngày 27/11/2020, anh không tham gia nhưng có đến xem sau khi các anh chị em đã đập phá xong, sẽ cùng chịu trách nhiệm nếu Tòa án xử buộc bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị P vắng mặt nhưng có lời trình bày tại biên bản ghi lời khai, biên bản hoà giải: bà và các bị đơn là anh chị em ruột, bà có tham gia đập phá hàng rào do Bà N tự ý xây dựng trên đất của cha. Sự việc xảy ra là do lỗi của Bà N nên không đồng ý bồi thường. Nếu Tòa án xử buộc chịu trách nhiệm bồi thường đoạn hàng rào bị đập phá thì 10 anh chị em cùng chịu trách nhiệm trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 205/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ :

- Điều 5, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 288, Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Khoản 1, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do bà Huỳnh Thị N rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 27.372.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N.

Buộc ông Bùi Văn L, ông Bùi Văn B2, ông Bùi Văn B1, bà Bùi Thị Q, bà Bùi Thị T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Huỳnh Thị N số tiền 6.314.000 đồng (Sáu triệu ba trăm mười bốn ngàn).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N yêu cầu các ông Bùi Văn L, ông Bùi Văn B2, ông Bùi Văn B1, bà Bùi Thị Q, bà Bùi Thị T1 liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền là 6.314.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự, chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 26/9/2022, nguyên đơn bà Huỳnh Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết: Kháng cáo 01 phần bản án sơ thẩm, sửa bản án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên buộc ông Bùi Văn L, ông Bùi Văn B2, ông Bùi Văn B1, bà Bùi Thị Q, bà Bùi Thị T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho Bà N tổng số tiền 12.628.000 đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Huỳnh Thị N do bà Bùi Thị Huyền T đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà Bùi Thị Huyền T đại diện ủy quyền nguyên đơn Bà N có ý kiến: Vẫn yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, buộc các bị đơn phải liên đới bồi thường thiệt hại hoàn toàn cho Bà N số tiền 12.628.000đồng, vì thực tế đường cô không phải là đường công cộng mà do gia đình tự mở để kéo máy từ năm 2012, trước đây ông Tân (chồng Bà N) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng hiện nay khi cấp đổi sang cho Bà N thì phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn các ông bà: Bùi Văn L, Bùi Thị Q, Bùi Văn B1, Bùi Văn B2, Bùi Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các bà: Bùi Thị L, Bùi Thị T2, Bùi Thị P có ý kiến: không đồng ý yêu cầu kháng cáo của Bà N, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do đường cô đã tồn tại trên 30 năm từ lúc cha của các ông bà là ông Bùi Văn S còn sống tạo lối đi để cho các con và người dân xung quanh đi vào đồng thuận lợi hơn đi đường vòng xa, tốn chi phí vận chuyển phân, lúa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của bà Huỳnh Thị N là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Huỳnh Thị N làm đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T2, ông Bùi Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T2, ông L.

Tại phiên tòa, các đương sự xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị N khởi kiện yêu cầu buộc ông Bùi Văn L, ông Bùi Văn B2, ông Bùi Văn B1, bà Bùi Thị Q, bà Bùi Thị T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho Bà N do các bị đơn kéo đến đập phá, tháo dỡ hàng rào làm hư hỏng toàn bộ 03 cổng sắt và 01 đoạn tường rào bê tông cốt thép, lát gạch men kích thước cao 2,5m, ngang 4m và nhỏ 14 cây bông trang Mỹ Hường với số tiền 40.000.000đồng. Và trong quá trình giải quyết cấp sơ thẩm, Bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện và xác định chỉ yêu cầu các bị đơn bồi thường thiệt hại số tiền 12.628.000đồng (gồm 01 đoạn tường rào bê tông lát gạch men cao 2,5m dài 4,25m trị giá 9.828.000 đồng và 14 cây bông trang Mỹ Hường trị giá 2.800.000 đồng) theo giá trị của Đoàn định giá do Tòa án nhân dân huyện P thành lập ngày 21/12/2021 (thể hiện tài sản bị thiệt hại gồm 01 đoạn hàng rào tường, kết cấu móng, cột đá, bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 200, ốp gạch men, khung sắt, cao 2,5m dài 4,25m = 10,625m². Giá trị định giá là 925.000 đồng/1m², 14 cây bông trang Mỹ Hường x 200.000 đồng/1cây = 2.800.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là 12.628.000 đồng). Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của Bà N yêu cầu các bị đơn bồi thường thiệt hại số tiền 12.628.000đồng là đúng quy định pháp luật.

Về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Theo hồ sơ cấp sơ thẩm thu thập được tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện P và lời khai tại tòa án các bị đơn thừa nhận các anh chị em gồm ông L, B1, B2, Q, T, H, T2, Thanh L, P, bà L cùng những người khác như M, T, N, H, Trương Thị N... đã có sự bàn bạc với nhau từ trước về việc sẽ cùng nhau dùng búa, cưa để đập phá hàng rào do Bà N tự ý xây dựng, tháo dỡ, di dời các cổng sắt và cây trồng để nhằm mục đích khai thông đường cộ và đã thực hiện các hành vi trên vào ngày 27/11/2020, gây thiệt hại đối với một đoạn tường rào như kết quả xem xét thẩm định, kiểm tra hiện trạng ngày 21/12/2021 của Tòa án. Bà N có đơn tố giác về hành vi làm hư hỏng tài sản và đã được cơ quan Công an huyện P ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Do đó, Bà N khởi kiện yêu cầu trách nhiệm dân sự đối với các bị đơn. Các bị đơn và người liên quan cho rằng không gây thiệt hại 14 cây bông trang Mỹ Hường vì không biết về sự tồn tại 14 cây bông trang đó. Xét thấy, trước khi gây ra thiệt hại đã có sự thống nhất với nhau về mặt ý chí, có sự bàn bạc trước về việc cùng nhau đập phá, tháo dỡ di dời hàng rào, các cổng sắt, cây trồng ra khỏi đất để mục đích khai thông đường cộ, không phân công nhau cụ thể mỗi người sẽ thực hiện hành vi gì, chỉ cần đạt mục đích là khai thông đường cộ cho nên trong quá trình thực hiện các hành vi trên đã có tác động đến các cây trồng trong khu vực, có nhiều cây trồng và 14 cây bông trang nằm trên đất đường cộ bị nhổ ra khỏi mặt đất. Điều đó phù hợp lời khai của ông L tại cơ quan Công an *“ông L trình bày 04 hàng rào che chắn và cây trồng trên đường cộ là do chị Nga và anh ruột tôi xây dựng...nên anh chị em và con cháu mới cùng thống nhất đập phá, tháo dỡ, di dời 04 hàng rào và cây trồng che chắn trên đường cộ”*, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường kèm sơ đồ hiện trường thể hiện *“cách vị trí 02 cột kim loại này 37m thấy dọc theo lề trái có trồng hàng cây bông trang, bên cạnh gốc cây mít có 14 cây bông trang nằm trên mặt đất, lá cây còn xanh”*, phù hợp với Biên bản xem xét thẩm định tại

chỗ của Tòa án. Do đó, thiệt hại 14 cây bông trang của Bà N là có thật, thiệt hại này do các bị đơn và các anh chị em gây ra nên các bị đơn phải chịu trách nhiệm bồi thường.

Về xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại, mức độ lỗi: Đối với nguyên đơn, theo quy định tại khoản 2 Điều 175, khoản 2 Điều 176 của Bộ luật Dân sự “Chủ sở hữu bất động sản chỉ được dựng cột mốc, hàng rào, trồng cây, xây tường ngăn trên phần đất thuộc quyền sử dụng của mình ... Người sử dụng đất chỉ được trồng cây và làm các việc khác trong khuôn viên đất thuộc quyền sử dụng của mình và theo ranh giới đã được xác định...”. Đồng thời, theo Thông báo về việc kiểm sát quyết định không khởi tố vụ án hình sự và biên bản kiểm tra, xác minh của Cơ quan cảnh sát điều tra thể hiện quá trình kiểm tra xác định đường đất có nguồn gốc của ông Bùi Văn S mở ra cách nay trên 30 năm, phục vụ từ thiện, hàng rào bê tông do Bà N xây dựng trên thửa đất số 03, tờ bản đồ số 04 và 03 cửa sắt, thép được xây dựng trên đường đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có nguồn gốc là của ông Bùi Văn S. Điều này phù hợp với lời khai của nguyên đơn, các bị đơn, những người liên quan về nguồn gốc đất là của ông Bùi Văn S lúc còn sống chưa được cấp giấy. Phần đất trước đây của ông T (chồng Bà N) bị thu hồi diện tích 712m² theo Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 23/4/2012 là loại đất trồng cây hàng năm, thời điểm kiểm kê thiệt hại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay ngân hàng, không thuộc phần đất Bà N xây hàng rào. Lời khai Bà N tại cơ quan Công an thể hiện bà được thừa hưởng phần đất từ ông Tấn (chồng bà) và ông Tấn được thừa hưởng từ cha Bùi Văn S cho, bà có đi đăng ký kê khai quyền sử dụng đất nhưng cơ quan có thẩm quyền không cấp quyền sử dụng đất đối với phần đất đường cộ cho bà, phần đất này đã hình thành trước khi bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04569 ngày 07/4/2020, khi xây dựng hàng rào bà không có hỏi ai trong gia đình bên chồng vì phần đất đường cộ trên là của bà. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đại diện theo uỷ quyền của Bà N trình bày phần đất Bà N xây hàng rào chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có đăng ký kê khai nhưng chưa được cấp, sau này sẽ đi đăng ký thủ tục để được cấp giấy, nguồn gốc do ông Bùi Văn S cho vợ chồng Bà N sử dụng ổn định nhưng không cung cấp được giấy tờ cho đất và không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Đối với bị đơn, mặc dù Bà N xây dựng hàng rào trên phần đất không thuộc chủ quyền của Bà N nhưng các bị đơn không được tự ý đập phá, tháo dỡ, di dời hàng rào và các cây trồng ra khỏi đất mà chỉ có quyền yêu cầu Bà N di dời ra khỏi đất. Nếu Bà N không hợp tác thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền can thiệp, hoặc khởi kiện tranh chấp để bảo vệ quyền lợi của mình. Đây là xử sự cần thiết để đảm bảo trật tự xã hội được tôn trọng. Hành vi tự ý làm hư hỏng tài sản của người khác là hành vi trái pháp luật do đó những người thực hiện hành vi này phải cùng nhau bồi thường thiệt hại do hành vi của mình gây ra cho người bị thiệt hại.

Như vậy, cả nguyên đơn và bị đơn đều cùng có lỗi nên phải chịu trách nhiệm với hậu quả xảy ra với mức độ lỗi được xác định mỗi bên 50%. Do đó, cấp sơ thẩm

buộc bị đơn chỉ bồi thường đối với $\frac{1}{2}$ thiệt hại xảy ra cho nguyên đơn số tiền là 6.314.000 đồng (12.628.000 đồng/2) là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Ngoài ra, trong vụ án này, mặc dù các bị đơn và người liên quan thừa nhận việc có gây thiệt hại và đồng ý sẽ cùng chịu trách nhiệm nếu có căn cứ buộc bồi thường, không yêu cầu Trần Quang M, Nguyễn Văn T, Trần Thị N, Nguyễn Văn H, Trương Thị N cùng chịu về phần trách nhiệm; nhưng nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu các bị đơn mà không yêu cầu những người khác cùng chịu trách nhiệm bồi thường. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 288 Bộ luật Dân sự quy định “bên có quyền có thể yêu cầu bất cứ ai trong số những người có nghĩa vụ phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ. Trường hợp một người đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thì có quyền yêu cầu những người có nghĩa vụ liên đới khác phải thực hiện phần nghĩa vụ liên đới của họ đối với mình” chỉ buộc các bị đơn gồm ông B2, ông B1, ông L, bà Q, bà T cùng chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho Bà N số tiền 6.314.000 đồng là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

Nay Bà N kháng cáo, yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, tuyên buộc các bị đơn cùng chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà số 12.628.000 đồng và cung cấp bản sao trích lục hồ sơ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh P lập ngày 16/8/2021 để chứng minh cho rằng cấp sơ thẩm nhận định Bà N xây dựng hàng rào bê tông cốt thép có lỗi 50% là không đúng vì trong diện tích 1300,5m² sơ đồ thể hiện đất ONT+CLN và việc Bà N xây dựng hàng rào để bảo vệ tài sản hợp pháp và chưa bị bất kỳ một cơ quan chức năng nào xử lý hành vi xây dựng trái phép. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, Bà N yêu cầu các bị đơn bồi thường thiệt hại tài sản bị thiệt hại gồm 01 đoạn hàng rào tường, kết cấu móng, cột đá, bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 200, ốp gạch men, khung sắt, cao 2,5m dài 4,25m = 10,625m². Giá trị định giá là 925.000 đồng/1m². Căn cứ vào Sơ đồ hiện trạng vụ Cố ý làm hư hỏng tài sản do Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện P lập ngày 28/11/2020 (tài liệu do Tòa án huyện P thu thập được) thể hiện: đoạn hàng rào tường, kết cấu móng, cột đá, bê tông cốt thép, tường xây gạch Bà N có yêu cầu trên là nằm ở phần đất của đường đất giáp lộ đất liên xã và đã được Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện P trả lời tại Công văn số 287 ngày 08/3/2021: vị trí đất thuộc thửa đất số 03 tờ bản đồ 4 có diện tích 1300,5m² tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, việc bà Trang tại phiên tòa phúc thẩm cung cấp trích lục hồ sơ địa chính quyền sử dụng đất số CS05469 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho Bà N ngày 07/4/2020 thể hiện thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 4, và Bà N do bà Trang đại diện ủy quyền không cung cấp chứng cứ gì chứng minh phần đất bà xây dựng hàng rào bị phía bị đơn đập phá là nằm trong phần quyền sử dụng đất số CS05469 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho Bà N ngày 07/4/2020. Do đó, việc cấp sơ thẩm xác định Bà N chịu trách nhiệm lỗi 50% khi xây dựng hàng rào không thuộc quyền sử dụng đất của bà là có căn cứ. Do đó, việc Bà N kháng cáo yêu cầu yêu cầu sửa 1 phần bản án sơ thẩm, buộc ông Bùi Văn L, ông Bùi Văn B2, ông Bùi Văn B1, bà Bùi Thị Q, bà Bùi Thị T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Huỳnh Thị N số tiền 12.628.000 đồng là

không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Bà N phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị N về việc sửa 1 phần bản án sơ thẩm, buộc ông Bùi Văn L, ông Bùi Văn B2, ông Bùi Văn B1, bà Bùi Thị Q, bà Bùi Thị T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Huỳnh Thị N số tiền 12.628.000 đồng.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 205/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do bà Huỳnh Thị N rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 27.372.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N.

Buộc ông Bùi Văn L, ông Bùi Văn B2, ông Bùi Văn B1, bà Bùi Thị Q, bà Bùi Thị T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Huỳnh Thị N số tiền 6.314.000 đồng (Sáu triệu, ba trăm mười bốn nghìn đồng).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N yêu cầu các ông Bùi Văn L, ông Bùi Văn B2, ông Bùi Văn B1, bà Bùi Thị Q, bà Bùi Thị T1 liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền là 6.314.000 đồng (Sáu triệu, ba trăm mười bốn nghìn đồng).

4. Về chi phí tố tụng: ông Bùi Văn L, ông Bùi Văn B2, ông Bùi Văn B1, bà Bùi Thị Q, bà Bùi Thị T1 phải hoàn trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự:

5.1. Án phí sơ thẩm:

Ông Bùi Văn L, ông Bùi Văn B2, ông Bùi Văn B1, bà Bùi Thị Q, bà Bùi Thị T1 phải chịu số tiền 316.000 đồng (Ba trăm mười sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị N phải chịu số tiền 316.000 đồng (Ba trăm mười sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo biên lai thu số 0003998 ngày 02/6/2021 tại Chi Cục Thi hành án huyện P. Bà N được nhận lại 684.000 đồng (Sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

5.2 . Án phí phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị N phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005432 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện P;
- Chi cục THA-DS huyện P;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Châu

